Ngày kí

***Tiết 1 - 2***

***Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nhận biết khái niệm về ngôn ngữ, lời nói cá nhân

2/ Thông hiểu:Hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể

3/Vận dụng thấp:Nhận diện được biểu hiện của ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân trong văn bản

4/Vận dụng cao:- Vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc trong lời nói cá nhân

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu liên quan đến tiếng Việt

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt trong lĩnh hội và tạo lập văn bản

**III .VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về ngôn ngữ tiếng Việt

3/Hình thành nhân cách: Có ý thức bảo vệ và phát huy những giá trị trong sáng của Tiếng Việt

-Biết phê phán những người làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết vấn đề: HS lý giải được hiện tượng sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay, thể hiện được quan điểm của cá nhân đối với hiện tượng "sáng tạo" ngôn ngữ ở lứa tuổi học sinh.

-Năng lực sáng tạo: HS bộc lộ được thái độ đúng đắn với việc sử dụng TV, sáng tạo ra vốn từ cá nhân nhằm làm giàu cho TV.

-Năng lực giao tiếp TV: HS hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể; hs cũng được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV văn hóa.

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Sử dụng đúng TV trong 2 lĩnh vực bút ngữ và khẩu ngữ, làm quen với các lời nói cá nhân được sáng tạo mới hiện nay.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Có 2 em bé:  Em bé A: Con muốn ăn cơm  Em bé B bị khiếm thanh nên có cử chỉ: đưa tay và cơm vào miệng.  GV: Như vậy em bé A đã dùng phương tiện gì để mẹ hiểu được ý em ? (ngôn ngữ)  GV: Vây ngôn ngữ là gì ?  GV: Có phải cá nhân nào cũng sử dung ngôn ngữ giống nhau không ?  GV: Không phải cá nhân nào cũng sử dung ngôn ngữ giống nhau. Người Việt ngôn ngữ của họ là tiếng Việt “ thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quí báu của dân tộc” nhưng với người Anh là tiếng Anh... Vậy ngôn ngữ là gì ? Ngôn ngữ là của chung hay của riêng mỗi cá nhân?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Cha ông ta khi dạy con cách nói năng, cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày thường sử dụng câu ca dao:  “Lời nói chẳng mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”  Để hiểu được điều này, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học : “Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân” | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu *Ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Tại sao ngôn ngữ là tài sản chung của XH ?  ( GV phát vấn HS trả lời)  Tính chung trong ngôn ngữ của cộng đồng được biểu hiện qua những phương diện nào ?  ( GV chia HS theo nhóm nhỏ trả lời câu hói trình bày trước lớp)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **- Những nét chung của ngôn ngữ xã hội trong lời nói cá nhân: âm, tiếng, từ, ngữ cố định, quy tắc và phương tiện ngữ pháp chung,…** | | **I*. Ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội.***  **+** Là phương tiện để giao tiếp.  **+** Ngôn ngữ có những yếu tố, quy tắc chung, thể hiện:  **1/ Các yếu tố chung của ngôn ngữ.**  + Các âm và các thanh.  + Các tiếng.  + Các từ.  + Các ngữ cố định ( Thành ngữ, quán ngữ).  **2/ Các quy tắc, phương thức chung.**  + Quy tắc cấu tạo các kiểu câu.  + Phương thức chuyển nghĩa của từ. |
| **\* Thao tác 2 :**  ***GV hướng dẫn HS nắm được những biểu hiện của lời nói cá nhân.***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **+** Theo em, thế nào là lời nói cá nhân?  + GV nêu VD và yêu cầu HS phân tích.  1/Tại sao dù không nhìn mặt nhưng mình vẫn nhận ra ca sĩ nào đang hát?  2/ Vốn từ ngữ của mỗi cá nhân giống nhau không? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời**  - Lời nói cá nhân là sản phẩm vừa được tạo ra nhờ các yếu tố và quy tắc, phương thức chung, vừa có sắc thái riêng và phần đóng góp của cá nhân.  **- Những nét riêng, sự sáng tạo của cá nhân khi dùng ngôn ngữ chung: giọng nói, vốn từ, sự chuyển đổi nghĩa cho từ, việc tạo ra từ mới,…** | | **II/ Lời nói- sản phẩm riêng của cá nhân.**  **1/ Khái niệm:**  **2/ Biểu hiện.**  + Giọng nói cá nhân.  + Vốn từ ngữ cá nhân.  + Sự chuyển đổi, sáng tạo khi sử dụng từ ngữ chung quen thuộc.  + Việc sáng tạo từ mới.  + Việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc, phương thức chung.  => Biểu hiện cụ thể nhất của lời nói cá nhân là phong cách ngôn ngữ của nhà văn. |
| **\* Thao tác 3 :**  ***GV hướng dẫn HS luyện tập bằng hình thức hoạt động nhóm***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhóm 1: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 3+4: Bài tập 3**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Từng nhóm lần lượt trả lời  Bài tập 1. :Từ *thôi* đã được dùng  với nghĩa: sự mất mát, sự đau đớn. *Thôi* là hư từ được nhà thơ dùng như động từ nhằm diễn đạt nỗi đau của mình khi nghe tin bạn mất, đồng thời cũng là cách nói giảm, nói tránh để làm vơi đi nỗi đau mất mát người ở lại.  Bài tập 2. Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương được sắp xếp theo lối đối lập: *xiên ngang – đâm toạc; mặt đất – chân mây; rêu từng đám – đá mấy hòn*, kết hợp với hình thức đảo ngữ. Thiên nhiên trong hai câu thơ như cũng mang theo nỗi niềm phẫn uất của con người. Nhà thơ sử dụng biện pháp đảo ngữ để làm nội tâm trạng phẫn uất của thiên nhiên mà cũng là sự phẫn uất của nhà thơ. Các động từ mạnh như *xiên, đâm* kết hợp với các bổ ngữ như *ngang, toạc* thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh của thi sĩ.  Bài tập 3.  - Sức gợi, sự liên tưởng của từ ngữ đã khẳng định được sức sáng tạo của Bác, đặc biệt là từ lồng.  - Cấu trúc so sánh mới lạ ở hai câu đầu (theo cấu trúc so sánh thông thường thì câu thơ đầu là Tiếng hát như như tiếng suối).  - Điệp ngữ cuối câu 3 và đầu câu 4 (chưa ngủ) như chờ một kết thuc bất ngờ, độc đáo: vì lo nỗi nước nhà. Bài thơ Cảnh khuya của Bác là sản phẩm mang đậm dấu ấn phong cách sáng tạo, thể hiện được vẻ đẹp rất cổ điển nhưng cũng rất hiện đại của một thi sĩ – chiến sĩ.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | | **III/ Luyện tập**  1. Bài tập 1  Từ “ Thôi” in đậm được dùng với nghĩa: sự mất mát, sự đau đớn. “ Thôi” là hư từ được nhà thơ dùng trong câu thơ nhằm diễn đạt nỗi đau của mình khi nghe tin bạn mất, đồng thời cũng là cách nói giảm để nhẹ đi nỗi mất mát quá lớn không gì bù đắp nổi.  2. Bài tập 2  - Tác giả sắp xếp từ ngữ theo lối đối lập kết hợp với hình thức đảo ngữ -> làm nổi bật sự phẫn uất của thiên nhiên mà cũng là sự phẫn uất của con người -> Tạo nên ấn tượng mạnh mẽ làm nên cả tính sáng tạo của HXH  Bài tập 3. Có thể khẳng định ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội, lời nói là sản phẩm của từng cá nhân. Có thể nhận thấy mối quan hệ này qua bài thơ Cảnh khuya của Hồ Chí Minh.:  - Sức gợi, sự liên tưởng của từ ngữ đã khẳng định được sức sáng tạo của Bác, đặc biệt là từ lồng.  +Từ lồng gợi nhớ đến Chinh phụ ngâm: Hoa dái nguyệt, nguyệt in một tấm / Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông /  Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng / Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xót đau. Từ lồng cũng gợi nhớ đến Truyện Kiều: Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.  - Cấu trúc so sánh mới lạ ở hai câu đầu (theo cấu trúc so sánh thông thường thì câu thơ đầu là Tiếng hát như như tiếng suối).  - Điệp ngữ cuối câu 3 và đầu câu 4 (chưa ngủ) như chờ một kết thúc bất ngờ, độc đáo: vì lo nỗi nước nhà. |
| **\* Thao tác 4 :**  **Bước 1 : GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV giúp Hs nắm được mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân.  GV đưa ví dụ:  “ *Khôn mà hiểm độc là khôn dại,*  *Dại vốn hiền lành ấy dại khôn*”  ( Nguyễn Bỉnh Khiêm).  *Hói:* Từ “ Khôn, dại” là từ quen thuộc, phổ biến nhưng lại được tác giả sử dụng có sáng tạo như thế nào?  VD/ SGK 35.  ***-*** Từ VD trên, chốt ý: Quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **HS trả lời**  *-* Từ “ khôn, dại” xuất phát từ triết lí dân gian “ ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác” → ý thức chủ động, biết trước tình thế xã hội để chọn cách ứng xử đúng đắn.   * Ngôn ngữ chung là cơ sở sản sinh ra lời nói   Lời nói cá nhân là kết quả hiện thực hóa của ngôn ngữ.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | | **III/ Quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân**  ***1/ Tìm ví dụ:***  ( Tìm thêm ví dụ).  ***2/ Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói cá nhân***: **đó là quan hệ giữa phương tiện và sản phẩm, giữa cái chung và cái riêng. Ngôn ngữ là cơ sở để tạo ra lời nói, ngôn ngữ cung cấp vật liệu và các quy tắc để tạo ra lời nói. Còn lời nói hiện thực hóa ngôn ngữ, tạo sự biến đổi và phát triển cho ngôn ngữ.** |
| **VI/ Luyện tập**  1. Bài tập 1  2. Bài tập 2  3.Bài tập 3. | **\* Thao tác 5 :**  ***GV hướng dẫn HS luyện tập bằng hình thức hoạt động nhóm***  ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhóm 3: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 1: Bài tập 3**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Từng nhóm lần lượt trả lời  **Bài tập 1/ 35.**  *Nách:*  + Nghĩa gốc:Mặt dưới chỗ nách tay nối với ngực.  + Nghĩa mới: Chỉ góc tường, vị trí giao nhau giữa hai bức tường tạo nên một góc( Nghĩa chuyển theo phép ẩn dụ).  **Bài tập 2/ 36.**  \* Từ “ *Xuân*”( Hồ Xuân Hương): vừa chỉ mùa xuân, vừa chỉ sức sống nhu cầu tình cảm của tuổi trẻ.  \* Từ “ *Xuân*” ( Nguyễn Du): vẻ đẹp người con gái trẻ tuổi.  \* Từ “ *Xuân*” ( Nguyễn Khuyến):  + Chất men say nồng cảu rượu ngon.  + Nghĩa bóng: Chỉ sức sống dạt dào của cuộc sống, tình cảm thắm thiết của bạn bè.  \* Từ “ Xuân” ( Hồ Chí Minh):  + Nghĩa gốc: chỉ mùa đầu tiên trong năm.  + Nghĩa chuyển: Chỉ sức sống mới, tươi đẹp.  **Bài 3/36.**  \* “ *Mặt trời*” ( Huy Cận):  + Nghĩa gốc: một thiên thể trong vũ trụ.  + Dùng theo phép nhân hoá: chỉ hoạt động như ngư*ời* ( xuống biển).  *\* “ Mặt trời*” ( Tố Hữu): chỉ lí tưởng Cách mạng.  \* “ *Mặt trời*” ( Ng. Khoa Điềm):  + MT 1: Chỉ một thiên thể trong vũ trụ.  +MT 2: Chỉ đứa con của người mẹ, con là niềm tin, niềm hạnh phúc, mang lại ánh sáng cho cuộc đời người mẹ.  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ** 1. Người ta học tiếng mẹ đẻ chủ yếu qua:  A- Các phương tiện truyền thông đại chúng  B- Sách vở ở nhà trường  C -Các bài ca dao, dân ca, những câu thành ngữ, tục ngữ,...  D- Giao tiếp hàng ngày trong gia đình và xã hội.  2. Nhà văn Nguyễn Tuân là người thích đi đây đi đó và đã có nhiều tùy bút kể về những chuyến đi của mình. Trong một tùy bút, tác giả dùng kết hợp *ga bay* thay cho *sân bay*. Điều đó chứng tỏ:  A-Tác giả cho rằng kết hợp sân bay là kết hợp không chuẩn.  B- Tác giả muốn mọi người dùng ga bay thay cho sân bay  C- Tác giả là một nhà văn lớn, một bậc thầy của ngôn ngữ tiếng Việt  D- Tác giả đã có một sáng tạo ngôn ngữ cá nhân dựa trên ngôn ngữ chung.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức** | **Chọn phương án đúng.** |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ Tại sao các từ sau đây được gọi là từ mới:**  a. Từ *mọn mằn*  b. Từ *giỏi giắng*  c. Từ *nội soi*  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | a. Từ *mọn mằn* là từ mới được tạo ra nhờ phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt:  - Dựa vào các từ có phụ âm đầu là m (chẳng hạn: muộn màng).  - Dựa vào thanh điệu (thanh huyền).  - Từ mọn mằn dùng để chỉ một vật nào đó nhỏ bé, ra đời muộn.  b. Từ *giỏi giắng* cũng là từ mới được tạo ra nhờ phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt.  - Dựa vào các từ chỉ sự đảm đang, tháo vát của một người nào đó: giỏi giang, nhanh nhẹn.  - Dựa vào những từ chỉ hình dáng: nhỏ nhắn.  c. Từ *nội soi* là thuật ngữ dùng trong y học mới được tạo ra trong thời gian gần đây nhờ vào phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt:  - Từ nội dùng để chỉ những gì thuộc về bên trong: nội tâm, nội thất…  - Từ soi dùng để chỉ hoạt động dùng ánh sáng chiếu vào.  - Nội soi chính là dùng phương pháp đưa một ống nhỏ vào bên trong cơ thể, qua đó có thể quan sát và phát hiện ra bệnh lí của con người. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:** Sáng tác một bài thơ lục bát với chủ đề về Mẹ. Chỉ ra ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân trong bài thơ đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Bài thơ đúng chủ đề: Mẹ, thể lục bát** * **Chỉ ra ngôn ngữ chung và ngôn ngữ cá nhân.** |

……………………………………..

Ngày kí

***Tiết 3***

**VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH**

( Trích Kí Thượng kinh kí sự - Lê Hữu Trác)

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

2/ Thông hiểu:HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

4/Vận dụng cao:- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về kí trung đại

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về kí trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về kí trung đại

3/Hình thành nhân cách: có đạo đức trong sáng.

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực sáng tạo: HS trình bày suy nghĩ và cảm xúc của bản thân trước vẻ đẹp nhân cách Lê Hữu Trác.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  \* GV:  + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  + Chuẩn bị bảng lắp ghép  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  \* HS:  + Nhìn hình đoán tác giả  +Lắp ghép tác phẩm với tác giả  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới**  *Lê Hữu Trác không chỉ là một thầy thuốc nổi tiếng mà còn được xem là một trong những tác giả văn học có những đóng góp lớn cho sự ra đời và phát triển của thể loại kí sự. Ông đã ghi chép một cách trung thực và sắc sảo hiện thực của cuộc sống trong phủ chúa Trịnh qua “Thượng kinh kí sự” (Kí sự lên kinh). Để hiểu rõ tài năng, nhân cách của Lê Hữu Trác cũng như hiện thực xã hội Việt Nam thế kỉ XVIII, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh (Trích Thượng kinh kí sự)* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi: Nội dung chính của Tiểu dẫn gồm những ý gì? Tóm tắt từng ý.  Định hướng (GV nhấn mạnh một vài nét nổi bật):  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc nhanh Tiểu dẫn, SGK, tr. 3. * HS lần lượt trả lời từng câu.   **Bước 3: HS trình bày sản phẩm thảo luận**  **1. Tác giả:**  Tác giả ( 1724 – 1791). Hiệu là Hải Thượng Lãn Ông ( Ông già lười ở đất Thượng Hồng )  - Quê quán: Làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, thị trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên)  - Về gia đình: Có truyền thống học hành thi cử, đỗ đạt làm quan  - Phần lớn cuộc đời hoạt động y học và trước tác của ông gắn với quê ngoại ( Hương Sơn – Hà Tĩnh)  **2. Tác phẩm:** Đoạn “Vào phủ chúa Trịnh” nói về việc Lê Hữu Trác lên tới Kinh đô được dẫn vào phủ chúa đề bắt mạch, kê đơn cho Trịnh Cán.  **Bước 4: GV nhận xét, bổ xung, chốt lại kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả**  Lê Hữu Trác (1724 – 1791) hiệu là Hải Thượng Lãn Ông; là một danh y, nhà văn, nhà thơ lớn nửa cuối thế kỉ XVIII. Ông là tác giả của bộ sách y học nổi tiếng *Hải thượng y tông tâm lĩnh.*  **2. Tác phẩm ( SGK)**  Đoạn trích được rút ra từ *Thượng kinh kí sự -* tập kí sự bằng chữ Hán hoàn thành năm 1783, xếp ở cuối bộ *Hải thượng y tông tâm lĩnh*- ghi lại việc tác giả được triệu vào phủ cúa để khám bệnh kê đơn cho thế tử. |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  GV hướng dẫn cách đọc: giọng chậm rãi, từ tốn, chú ý đọc một số câu thoại, lời của quan chánh đường, lời thế tử, lời người thầy thuốc trong phủ, lời tác giả,...  GV đọc trước một đoạn.  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**  **Nhóm 1:** Quang cảnh và cuộc sống đầy uy quyền của chúa Trịnh được tác giả miêu tả như thế nào?  **Nhóm 2:** *Thái độ của tác giả bộc lộ như thế nào trước quang cảnh ở phủ chúa? em có nhận xét gì về thái độ ấy?*  **Nhóm 3:** Nhân vật Thế tử Cán hiện ra như thế nào?  **Nhóm 4:** *Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang được thể hiện như thế nào khi khám bệnh cho Thế tử?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS trình bày sản phẩm**  các nhóm lần lượt trình bày  \* **Nhóm 1** - Sự cao sang, quyền quý cùng cuộc sống hưởng thụ cực điểm của nhà chúa:  + Quang cảnh tráng lệ, tôn nghiêm, lộng lẫy (đường vào phủ, khuôn viên vườn hoa, bên trong phủ và nội cung của thế tử,…).  + Cung cách sinh hoạt, nghi lễ, khuôn phép (cách đưa đón thầy thuốc, cách xưng hô, kẻ hầu, người hạ, cảnh khám bệnh,…)  \* **Nhóm 2** : - Tỏ ra dửng dưng, sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa “ Khác gì ngư phủ đào nguyên thủa nào”  - không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do  \* **Nhóm 3**  - Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ “ Đi trong tối om...”  - Nơi thế tử ngự: không khí trở lân lạnh lẽo, thiếu sinh khí  - Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán:  + Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng  + Biết khen người giữa phép tắc “Ông này lạy khéo”  + Đứng dậy cởi áo thì “Tinh khí khô hết, mặt khô, rốn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại -> một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí  \* **Nhóm 4**  - Thái độ, tâm trạng và những suy nghĩ của nhân vật “tôi”  + Dửng dưng trước những quyến rũ vật chất, không đồng tình trước cuộc sống quá no đủ, tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do;  + Lúc đầu, có ý định chữa bệnh cầm chừng để tránh bị công danh trói buộc. Nhưng sau đó, ông thẳng thắn đưa ra cách chữa bệnh, kiên trì giải thích, dù khác ý với các quan thái y;  **Bước 4: GV nhận xét, bổ xung, chốt kiến thức**  GV Vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác?  HS trả lời cá nhân: **một thầy thuốc giỏi, bản lĩnh, giàu kinh nghiệm, y đức cao; xem thường danh lợi, quyền quý, yêu tự do và nếp sống thanh đạm.**  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**  GV nêu câu hỏi:  -Giá trị nổi bật của đoạn trích là gì? Giá trị ấy thể hiện ở những khía canh nào?  - Nhận xét nghệ thuật viết kí của tác giả?  GV nêu câu hỏi:  Qua đoạn trích, bày tỏ suy nghĩ về vẻ đạp tâm hồn của tác giả?  Nêu ý nghĩa văn bản?  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  **Bước 3: Trình bày sản phẩm**  HS trả lời cá nhân: Giá trị hiện thực của đoạn trích:  -Vẽ lại được bức tranh chân thực và sinh động về quang cảnh và cảnh sống trong phủ chúa Trịnh: xa hoa, quyền quý, hưởng lạc...  -Con người và phẩm chất của tác giả: tài năng y lí, đức độ khiêm nhường, trung thực cứng cỏi, lẽ sống trong sạch, thanh cao, giản dị, không màng công danh phú quý.  **Bước 4: GV chốt ý** | **II. Đọc–hiểu:**  1. Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh và thái độ của tác giả  \* Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh  + Vào phủ chúa phải qua nhiều lần cửa và “ Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp”. “ Đâu đâu cũng là cây cối um tùm chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương”  + trong khuôn viên phủ chúa “ Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi.  (phân tích bài thơ mà tác giả ngâm)  + Nội cung được miêu tả gồm những chiếu gấm, màn là, sập vàng, ghế rồng, đèn sáng lấp lánh, hương hoa ngào ngạt, cung nhân xúm xít, mặt phần áo đỏ...  + ăn uống thì “ Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn của ngon vật lạ”  + Về nghi thức: Nhiều thủ tục... Nghiêm đến nỗi tác giả phải “ Nín thở đứng chờ ở xa)  => Phủ chúa Trịnh lộng lẫy sang trọng uy nghiêm được tác giả miêu tả bặng tài quan sát tỷ mỷ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động giữa con người với cảnh vật. Ngôn ngữ giản dị mộc mạc...  \* Thái độ của tác giả  - Tỏ ra dửng dưng trước những quyến rũ của vật chất. Ông sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa “ Khác gì ngư phủ đào nguyên thủa nào”  - Mặc dù khen cái đẹp cái sang nơi phủ chúa xong tác giả tỏ ra không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do  2. Thế tử Cán và thái độ, con người Lê Hữu Trác  \* Nhân vật Thế tử Cán:  - Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ “ Đi trong tối om...”  - Nơi thế tử ngự: Vây quanh bao nhiêu là vật dụng gấm vóc lụa là vàng ngọc. Người thì đông nhưng đều im lặng  - Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán:  + Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng  + Biết khen người giữa phép tắc “Ông này lạy khéo”  + Đứng dậy cởi áo thì “Tinh khí khô hết, mặt khô, rốn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại -> một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí  => Tác giả vừa tả vừa nhận xét khách quan Thế tử Cán được tái hiện lại thật đáng sợ. Tác giả ghi trong đơn thuốc “ 6 mạch tế sác và vô lực...trong thì trống”. Phải chăng cuộc sống vật chất quá đầy đủ, quá giàu sang phú quý nhưng tất cả nội lực bên trong là tinh thần ý chí, nghị lực, phẩm chất thì trống rỗng?  \* Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang khi khám bệnh cho Thế tử  - Một mặt tác giả chỉ ra căn bệnh cụ thể, nguyên nhân của nó, một mặt ngầm phê phán “Vì Thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi”  + Ông rất hiểu căn bệnh của Trịnh Cán, đưa ra cách chữa thuyết phục nhưng lại sợ chữa có hiệu quả ngay, chúa sẽ tin dùng, công danh trói buộc. Đề tránh được việc ấy chỉ có thể chữa cầm chừng, dùng thuốc vô thưởng vô phạt. Song, làm thế lại trái với y đức. Cuối cùng phẩm chất, lương tâm trung thực của người thày thuốc đã thắng. Khi đã quyết tác giả thẳng thắn đưa ra lý lẽ để giải thích -> Tác giả là một thày thuốc giỏi có kiến thức sâu rộng, có y đức  **3. Vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác:** một thầy thuốc giỏi, bản lĩnh, giàu kinh nghiệm, y đức cao; xem thường danh lợi, quyền quý, yêu tự do và nếp sống thanh đạm.  **4. Nghệ thuật:**  Bút pháp ký sự đặc sắc của tác giả  - Quan sát tỉ mỉ. ghi chép trung thực, miêu tả cụ thể, sống động, chọn lựa được những chi tiết “đắt”, gây ấn tượng mạnh.  - Lối kể hấp dẫn, chân thực, hài hước.  - Kết hợp văn xuôi và thơ làm tăng chất trữ tình cho tác phẩm, góp phần thể hiện một cách kín đáo thái độ của người viết.  **III. Ý nghĩa văn bản:**  **Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* phản ánh quyền lực to lớn của Trịnh Sâm, cuộc sống xa hoa, hưởng lạc trong phủ chúa đồng thời bày tỏ thái độ coi thường danh lợi, quyền quý của tác giả.** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** 1. Sắp xếp sự việc diễn ra sau đây đúng theo trình tự:  1.Thánh chỉ 2.Qua mấy lần trướng gấm 3. Vườn cây ,hành lang 4. Bắt mạch kê dơn 5.Vào cung 6. Nhiều lần cửa 7. Hậu mã quân túc trực 8. gác tía, phòng trà 9. Cửa lớn, đại đường, quyền bổng 10.Hậu mã quân túc trực 11. về nơi trọ 12. Hậu cung .  Trả lời: ………………………..  2. Qua đoạn trích anh (chị) thấy Lê Hữu Trác là người như thế nào?  - Là người thầy thuốc ……  - Là nhà văn………………  - Là một ông quan….  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức** | **Căn cứ vào văn bản để thực hiện.** |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *“Bệnh thế này không bổ thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hòa hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ: Cha ông mình đời đợi chịu ơn chịu nước, ta phải dốc hết lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được”.*  *( Trích* Vào phủ chúa Trịnh, Tr8, SGK Ngữ văn 11 NC,Tập I, NXBGD 2007)  1/ Văn bản trên có nội dung gì?  2/ Xác định hình thức loại câu trong câu văn*“Bệnh thế này không bổ thì không được”.* Câu này có nội dung khẳng định, đúng hay sai ?  3/ Trình bày những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS cử đại diện nhóm trình bày các nhóm còn lại láng nghe và nhận xét  **Bước 4: GV chốt ý** | 1/ Văn bản trên có nội dung: thể hiện suy nghĩ, những băn khoăn của người thầy thuốc. Băn khoăn ấy thể hiện thái độ của ông đối với danh lợi và lương tâm nghề nghiệp, y đức của người thầy thuốc. Không đồng tình ủng hộ sự xa hoa nơi phủ chúa, không màng danh lợi nhưng ông không thể làm trái lương tâm.  2/ Câu văn*“Bệnh thế này không bổ thì không được”* thuộc loại câu phủ định nhưng lại có nội dung khẳng định.  3/ Những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn :  - Có sự mâu thuẫn, giằng co:  + Hiểu căn bệnh, biết cách chữa trị nhưng sợ chữa có hiệu quả ngay sẽ được chúa tin dùng, bị công danh trói buộc.  + Muốn chữa cầm chừng nhưng lại sợ trái với lương tâm, y đức, sợ phụ lòng cha ông.  - Cuối cùng phẩm chất, lương tâm của người thầy thuốc đã thắng. Ông gạt sang một bên sở thích cá nhân để làm tròn trách nhiệm.  - Là một thầy thuốc có lương tâm và đức độ;  **-** Khinh thường lợi danh, quyền quý, yêu thích tự do và nếp sống thanh đạm, giản dị nơi quê nhà |

**🕮5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Khái quát phẩm chất hình tượng Lê Hữu Trác trong đoạn trích. Ông có phải là Ông Lười như bút hiệu tự đặt? Vì sao? Viết đoạn văn 5 đến 7 dòng để trả lời câu hỏi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt ý** | **(** Lê Hữu Trác: nhà thơ ; danh y lỗi lạc, từ tâm; bậc túc nho thâm trầm,  Ông Lười - Lãn Ông chỉ là một cách đặt bút hiệu theo kiểu hài hước, dân dã. Nhưng cũng rất đúng khi nói ông lười trong thái độ thờ ơ với công danh phú quý, trong lối sống tự do thanh cao nơi rừng núi quê nhà.) |

Ngày kí:

**Tiết 4 - 5**

**Bài viết số 1**

**A/ XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG**

- Biết cách xác định nội dung chính, câu chủ đề, thao tác lập luận trong văn bản. Biết làm bài văn nghị luận xã hội với bố cục sáng rõ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương.

**B/ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
|  |  |  | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |  |
| **I. Đọc hiểu** | Chỉ ra câu chủ đề trong văn bản. | Xác định được nội dung cơ bản, thao tác lập luận trong văn bản. |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  1  10 % | 2  2  20 % |  |  | 3  3,0  30% |
| **II. Làm văn** |  |  |  | Vận dụng kiến thức đọc hiểu và kỹ năng tạo lập văn bản, kỹ năng kết hợp các thao tác nghị luận để tạo lập văn bản nghị luận xã hội. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  |  | 1  7,0  70% | 7  7,0  70% |
| Tổng số câu Tổng số điểm  Tỉ lệ | 1  1  10 % | 2  2  20 % |  | 1  7,0  70% | 4  10,0  100% |

**C/ ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU *(3,0 điểm)***

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*(1)Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), quê cha ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế, nhưng sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).*

*Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều trắc gian truân: bị mù, công danh dang dở, sống trong những ngày tăm tối của quê hương đất nước...*

*(2) Nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông là bài học lớn về nghị lực sống, sống để cống hiến cho đời. Bị mù đôi mắt, nhưng Nguyễn Đình Chiểu không chịu đầu hàng số phận, vẫn sống và làm nhiều việc có ích: dạy học, làm thuốc, sáng tác thơ văn. Là một thầy giáo, ông đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ, được nhiều thế hệ học trò kính yêu. Là thầy thuốc, ông xem trọng y đức, lấy việc cứu người làm trọng. Là nhà thơ, Cụ Đồ Chiểu quan tâm đến việc dùng văn chương để hướng con người đến cái thiện, đến một lối sống cao đẹp, đúng đạo lí làm người. Khi quê hương bị thực dân Pháp xâm lược, Đồ Chiểu dùng thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.*

*(3)Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm. Ngay từ những ngày đầu giặc Pháp xâm lược Nam Bộ, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao lập trường kháng chiến, cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc chống giặc và sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của các nghĩa sĩ. Khi triều đình nhà Nguyễn nhu nhược, bất lực đến phải dâng cả Nam Kì lục tỉnh cho giặc Pháp, Đồ Chiểu đã nêu cao khí tiết, giữ gìn lối sống trong sạch, cao cả, từ chối mọi cám dỗ của thực dân, không chịu hợp tác với kẻ thù.*

( Theo Đỗ Kim Hảo)

**Câu 1 *(1,0 điểm):*** Văn bản trên có mấy ý chính? Đó là những ý nào?

**Câu 2 *(1,0 điểm****)****:***Tìm câu chủ đề trong đoạn văn (2),(3).

**Câu 3 *(1,0 điểm****)****:***Xác định thao tác lập luận trong đoạn văn (2),(3).

**PHẦN II: LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

Nhân xem chương trình trên VTV1 với chủ đề: “Cảm ơn cuộc đời” bàn về người tử tế, hầu hết các ý kiến cho rằng: *người tử tế là những người tốt và là những người có lối sống đẹp, có thể coi là những con người hoàn hảo trong mọi thời đại và nhất là trong cuộc sống hôm nay*. Nhưng có ý kiến cho rằng: *đó chỉ là sự giả tạo, hình thức và nghi ngờ lòng tốt của người tử tế.*

Viết bài văn ngắn (khoảng 600 từ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về *người tử tế* qua các ý kiến trên.

**...............................Hết..............................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I: ĐỌC HIỂU *(3,0 điểm)***

**Câu 1 (1,0 điểm):**

Văn bản trên có 2 ý chính: khái quát về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu và những bài học sâu sắc rút ra từ cuộc đời đó.

**Câu 2 (1,0 điểm)**

*:* HS chỉ ra được Câu chủ đề trong đoạn văn (2),(3) :

- Đoạn (2) : *Nhưng vượt lên nỗi đau, cuộc đời ông là bài học lớn về nghị lực sống, sống để cống hiến cho đời.*

-Đoạn (3) *Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm.*

**Câu 3 (1,0 điểm)**

HS nêu Thao tác lập luận trong đoạn văn (2),(3) : chứng minh

**PHẦN II: LÀM VĂN *(7,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | LÀM VĂN |  |
| 1 | Viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về 2 ý kiến bàn về người tử tế | **7,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận | 0,5 |
| Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0,5 |
| Hai ý kiến bàn về người tử tế trong cuộc sống hiện nay. |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra biện pháp khắc phục hiện tượng. | 5,0 |
| c.1. Giải thích hai ý kiến:  - Ý kiến thứ nhất: Nêu ra chuẩn mực của một con người tử tế trong cuộc sống, đó là những con người có lối sống đẹp, chân thành với mọi người, biết giúp đỡ người khác bằng khả năng của mình, khiến cuộc đời, quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn. Những người ấy chính là những con người hoàn hảo trong mọi thời đại và trong cuộc sống hôm nay.  - Ý kiến thứ hai: Phủ nhận lòng tốt của những người tử tế, cho rằng lòng tốt chỉ là sự giả tạo, hình thức, không xuất phát từ lòng chân thành của con người. Họ nghi ngờ lòng tốt không phải lúc nào cũng tốt đẹp, cao cả trong cuộc đời.  Hai ý kiến trên bộc lộ quan niệm sống trái ngược nhau về cách nhìn đối với con người tử tế trong cuộc sống hôm nay.  c.2. Bàn luận:  -Ý kiến thứ nhất:  + Xuất phát từ cái nhìn lạc quan đầy niềm tin vào con người.  + Lòng tốt là một tiêu chuẩn để đánh giá nhân phẩm của con người, và người tử tế thực sự là chuẩn mực mỗi con người đều hướng tới trên con đường tự hoàn thiện mình.  + Cuộc sống sẽ thật có ý nghĩa nếu như con người đối xử tử tế với nhau bằng lòng tốt chân thành: người nhận lòng tốt “cảm ơn cuộc đời” đã mang lại những người tử tế giúp đỡ cuộc sống của mình. Và người dùng lòng tốt giúp đỡ cũng “cảm ơn cuộc đời” vì khi cho, họ sẽ nhận lại niềm tin yêu của người khác.  -.Ý kiến thứ hai:  + Xuất phát từ suy nghĩ bi quan, mất niềm tin vào cuộc sống và con người, nghi ngờ lòng tốt chỉ đến từ mục đích cá nhân.  + Trong cuộc sống vẫn có những con người sống với lòng tốt giả tạo, giúp đỡ người khác vì muốn trang trí bộ mặt, phục vụ lợi ích gì đó cho cá nhân. Điều đó đáng lên án…  c.3. Phê phán những con người có lòng tốt giả tạọ, không nhằm mục đích mang lại hạnh phúc cho người khác và những con người thiếu lòng tin nghi ngờ, hoài nghi lòng tốt của con người, dẫn đến sống trong bi quan, cô độc.  Lòng tốt phải đến từ sự chân thành, tấm lòng yêu thương con người và đem đến niềm hạnh phúc, sự yêu thương cho người khảc. Người có lòng tốt thực sự là người tử tế. | *1,0*  *1,5*  *1,5* |
| -Bài học cho bản thân:  + Cần có cái nhìn toàn diện, phân biệt đúng tốt xấu, không quá bi quan nhưng cũng không nên ảo tưởng rằng cuộc sống chỉ toàn màu hồng.  + Biết đề phòng cảnh giác với nguy cơ tha hóa trong chính con người mình, luôn luôn tự đấu tranh để cho sự tốt đẹp chiến thắng cái xấu xa, giả tạo. | *1,0* |
| d. Sáng tạo | 0,5 |
| Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. |  |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu | 0,5 |
| Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |

Ngày soạn:

Ngày kí:

***Tiết 6*** *- Làm văn*

***Thao tác lập luận phân tích***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nắm được khái niệm về thao tác, phân tích, so sánh

2/ Thông hiểu:Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong những ngữ liệu cho trước

3/Vận dụng thấp:Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận: phân tích, so sánh;

4/Vận dụng cao:Viết được bài văn nghị luận trong đó vận dụng kết hợp các thao tác lập luận: phân tích, so sánh

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài có sử dụng thao tác lập luận phân tích

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận có sử dụng thao tác phân tích

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

-Biết nhận thức được ý nghĩa của của các thao tác lập luận trong lĩnh hội tạo lập văn bản

-Có ý thức sử dụng các thao tác lập luận trong giao tiếp ngôn ngữ

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

- Năng lực giải quyết vấn đề:HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác địnhvà làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.

-Năng lực hợp tác:thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV cho HS tìm hiểu ngữ liệu sau:  *Trơ/cái hồng nhan/ với nước non /*  *Trong phép đảo ngữ, nữ sĩ đã đặt từ “trơ” lên đầu câu thơ gây một ấn tượng mạnh mẽ. Từ “trơ” đứng riêng ra, ăn hẳn một nhịp vừa nói được thế lẻ loi, trơ trọi lại vừa nói đến sự vô duyên (trơ ra). Từ “trơ” còn hàm chứa nhiều ngữ nghĩa hơn thế : “trơ” có nghĩa là tủi hổ : “Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ” (Nguyễn Du, Truyện Kiều) ; “trơ” cùng hàm ý mỉa mai cay đắng, xót xa khi đi với tổ hợp từ “cái hồng nhan”, thì ra “hồng nhan” đi với “bạc phận”, “hồng nhan” bị bỏ rơi, chẳng ai đoái hoài đến, đang “trơ” ra với “nước non” (không gian), với thời gian vô thuỷ vô chung !*  *( Trích Kĩ năng đọc-hiểu Ngữ văn 11, Đỗ Kim Phong)*  Chỉ ra câu văn phân tích từ “*trơ*”trong câu thơ của Hồ Xuân Hương*?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** **và dẫn vào bài mới:** *Trong bài văn nghị luận, thao tác lập luận phân tích giữ vai trò quan trọng, quyết định phần lớn đến sự hình thành công của bài văn. Thao tác lập luận phân tích nhằm mục đích gì, cách thức tiến hành như thế nào, bài học hôm nay sẽ làm rõ những vấn đề ấy.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ngữ liệu.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Yêu cầu học sinhđọc đoạn trích trong SGK và trả lời các câu hỏi.  **+ GV:** Xác định nội dung ý kiến đánh giá của tác giả đối với nhân vật Sở Khanh?  **+ GV:** Để thuyết phục người đọc, tác giả đã phân tích ý kiến của mình như thế nào?  **+ GV:** Chỉ ra sự kết hợp chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn trích?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **- Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh rút ra Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Từ việc tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là phân tích trong văn nghị luận? Mục đích, yêu cầu của thao tác này là gì?  **+ GV:** Kể thêm một số đối tượng phân tích trong các bài văn nghị luận (xã hội và văn học)?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Luận điểm (ý kiến, quan niệm): Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện của sự đồi bại trong xã hội truyện Kiều  - Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm  + Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính  + Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại, bất chính đó: Giả làm người tử tế để đánh lừa một cô gái ngây thơ, hiếu thảo; trở mặt một cách trơ tráo; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.  ***HS trả lời cá nhân:***  - Mục đích của phân tích: làm rõ đặc điểm về nội dung, hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng ( sự vật, hiện tượng ).  - Khi phântích cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (qhệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, qhệ giữa các đối tượng với các đối tượng liên quan, qhệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...); đồng thời đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất  **-**Phân tích cụ thể bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp và khái quát  - Khi phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích**  1. Ví dụ: (SGK)  - Luận điểm (ý kiến, quan niệm): - Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm:  - Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp  ⇒ Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố để xem xét một cách kỹ càng nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng  Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp.  2. Mục đích của phân tích **là làm rõ đặc điểm về nội dung và hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của sự vật, hiện tượng, từ đó thấy được giá trị của chúng.**  3. **Yêu cầu của phân tích:**  - Yêu cầu: Phân tích nên gắn với tổng hợp để khái quát lại luận điểm đã nêu. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS tìm hiểu cách lập luận phân tích trong các đoạn trích ở mục II, SGK tr26, từ đó xác định cách phân tích ở từng đoạn văn:  \* Ví dụ 1; 2 (SGK)  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng: Đồng tiền vừa có tác dụng tốt, vừa có tác dụng xấu  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Phân tích sức mạnh tác quái của đồng tiền → thái độ phê phán và khinh bỉ của Nguyễn Du khi nói đến đồng tiền  - Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân: Tác hại của đồng tiền ( Kết quả) vì một loạt hành động gian ác, bất chính đều do đồng tiền chi phối (nguyên nhân )  - Trong quá trình lập luận phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp  Ví dụ 2:  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng: Các ảnh hưởng xấu của việc bùng nổ dân số đến con người: Thiếu lương thực, thực phẩm; suy dinh dưỡng, suy thoái nòi giống; thiếu việc làm, thất nghiệp  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Bùng nổ dân số (nguyên nhân) ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống con người (Kết quả)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **\* Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh rút ra cách phân tích.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **+ GV:** Bản chất của thao tác phân tích trong văn nghị luận?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Cách phân tích**  \* Ví dụ 1; 2 (SGK)  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng:  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả:  - Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân:  - Trong quá trình lập luận phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp  Ví dụ 2:  - Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng:  - Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả:  ⇒ Cách phân tích: Chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định |
| **\* Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh cách luyện tập**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **GV:** Chia lớp thành 2 nhóm làm 2 ngữ liệu với 2 yêu cầu:  + Phân tích cách phân chia đối tượng trong đoạn trích nêu trên?  + Chỉ ra mối quan hệ giữa phân tích và tổng hợp được thể hiện trong mỗi đoạn trích?  **- GV:** Lưu ý: việc phân tích thường dựa trên các mối quan hệ:  + Các yếu tố, các phương diện nội bộ tạo nên đối tượng và quan hệ giữa chúng với nhau  + Quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan (quan hệ nhân – quả, quan hệ kết quả - nguyên nhân)  + Thái độ, sự đánh giá của người phân tích đối với các đối tượng được phân tích  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Các quan hệ làm cơ sở để phân tích**:**  I. Quan hệ nội bộ của đối tượng (diễn biến, các cung bậc tâm trạng của Thúy Kiều): đau xót, quẩn quanh và hoàn toàn bế tắc  II. Quan hệ giữa đối tượng này với các đối tượng khác có liên quan: Bài thơ *Lời kĩ nữ* của Xuân Diệu với bài *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  **Phân tích vẻ đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật trong *Tự tình II***  - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúa. Chú ý phân tích các từ ngữ: *văng vẳng, trơ, cái hồng nhan, xiên ngang, đâm toạc, tí con con*  - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trái nghĩa*: say – tỉnh, khuyết – tròn, đi – lại*  - Nghệ thuật sử dụng phép lặp từ ngữ (xuân), phép tăng tiến (*san sẻ - tí – con con)* Chú ý: Thoạt nhìn sự thay đổi *san sẻ - tí – con con* là sự giảm dần (*tiệm thoái)* nhưng ở đây xét về mức độ cô đơn, sự thiệt thòi về tình cảm của tác giả thì lại là tăng tiến  - Phép đảo trật tự cú pháp trong câu 5 và 6.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **III. LUYỆN TẬP:**  **1. Bài tập 1**    **2. Bài tập 2** |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Câu hỏi 1: Mục đích cuối cùng của phân tích là gì?  a. Để thấy được giá trị, ý nghĩa của các sự vật, hiện tượng. b. Để suy ra một nhận thức (hay kết luận) mới. c. Để thể hiện rõ chủ kiến của người viết. d. Để tìm hiểu nguồn gốc của sự vật, hiện tượng.    Câu hỏi 2: Đọc đoạn văn sau được viết theo cách phân tích nào?  *Đạo đức gồm cả luân lí mà luân lí chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, nghĩa , lí , trí, tín, cần, kiệm. Nhân là có lòng thương người; Nghĩa là làm việc phải; Lễ là ăn ở cho có lễ độ; Trí để làm việc cho đúng; Tín là nói với ai cũng giữ lời cho người ta tin mình mới làm được việc; Cần là làm việc phải siêng năng; Kiệm là ăn ở dành dụm trong lúc no để phòng lúc đói, lúc có đề phòng lúc không…Người đạo đức là người đã ở trong đạo làm người vậy. Đạo đức dã như thế thì không có mới, có cũ, có đông, có tây nào nữa nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức, ấy mới là người trọn vẹn. Dầu nhà bác học đề ra học thuyết nào khác nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lí của đạo đức, nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được.*  *(Phan Châu Trinh, Bài diễn thuyết về đạo đức luân lí ĐôngTây, Giảng văn 9, Nhà sách Khai Trí)*   a. Liên hệ, đối chiếu. b. Chỉ ra nguyên nhân – kết quả. c. Phân loại đối tượng.   d. Cắt nghĩa, bình giá.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | Trả lời: 1a,2d |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Phân tích tác dụng của biện pháp đảo ngữ và các động từ được sử dụng trong hai câu thơ sau của nhà thơ Hồ Xuân Hương-bài Tự tình II:     Xiên ngang mặt đất rêu từng đám  Đâm toạc chân mây đá mấy hòn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **Gợi ý:**  Tác dụng của biện pháp đảo ngữ và các động từ được sử dụng :  – Miêu tả hình ảnh thiên nhiên như muốn vùng lên, phá ngang, phẫn uất với đất trời ;  – Đó là hình ảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương . |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Sưu tầm trên báo, mạnh inter net những đoạn văn có sử dụng thao tác phân tích về những vấn đề liên quan đến đời sống xã hội  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **- Biết chọn lực những bài viết mang tính thời sự.** |

*Ngày kí*

***Tiết 7*** *Đọc văn*

***Tự Tình ( Bài II)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. VỀ KIẾN THỨC**

1/ Nhận biết:Nêu được các thông tin  về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng  trong văn bản.

2/ Thông hiểu:Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu  từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

3/Vận dụng thấp:Xác định tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn qua các văn bản thơ trung đại.

4/Vận dụng cao: Phân tích được hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ ngữ (hay những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ ) độc đáo trong văn bản thơ trung đại.

**II. VỀ KĨ NĂNG**

1/ Biết làm: bài đọc hiểu về thơ trữ tình

2/ Thông thạo: sử dụng tiếng Việt khi trình bày một bài nghị luận về một bài thơ trung đại

**III. VỀ THÁI ĐỘ**

1 Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản

2/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày kiến thức về tác giả, tác phẩm thơ trung đại

3/Hình thành nhân cách: -Yêu thương con người

-Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

-Yêu nước (yêu thiên nhiên, …)

-Sống tự chủ

-Sống trách nhiệm

**IV. ĐỊNH HƯỚNG GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NĂNG LỰC**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại

-Năng lực trình bày suy  nghĩ, cảm nhận  của cá nhân về ý  nghĩa văn bản

-Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của các nhà thơ được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

-Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: học sinh nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm; hiểu được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu tác phẩm; hình thành và nâng cao những xúc cảm thẩm mỹ...

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**I. CHUẨN BỊ CỦA GV**

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

**II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH.**

Sách giáo khoa, bài soạn.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**🕮 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Thầy và trò*** | ***Kiến thức cần đạt*** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  - Chuẩn bị bảng lắp ghép  - Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới:**  *Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nổi tiếng của VHTĐ Việt Nam. Bà được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm. Thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, là niềm khao khát sống mãnh liệt. Đặc biệt những bài thơ Nôm của bà là cảm thức về thời gian tinh tế, tạo nền cho tâm trạng. “Tự tình” (Bài II) là một trong những bài thơ tiêu biểu cho điều đó, đồng thời thể hiện được những đặc sắc về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**🕮 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **\* Thao tác 1 :**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần tiểu dẫn  - GV gọi một HS đọc phần tiểu dẫn SGK sau đó tóm tắt ý chính.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS Tái hiện kiến thức và trình bày.  **1. Tác giả Hồ Xuân Hương**  - Chưa xác định được năm sinh năm mất.  - Sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.  - Quê quán: Làng Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.  - Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho nghèo, cha làm nghề dạy học.  - Là người đa tài đa tình phóng túng, giao thiệp với nhiều văn nhân tài tử, đi rất nhiều nơi và thân thiết với nhiều danh sĩ. Cuộc đời, tình duyên của Hồ Xuân Hương nhiều éo le ngang trái,  -> Hồ Xuân Hương là một thên tài kì nữ, là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam. Được mệnh danh là “ bà chúa thơ Nôm”.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **I. Tiểu dẫn**  **1. Tác giả:**  **- Hồ Xuân Hương là một *thiên tài kĩ nữ* nhưng cuộc đời lại gặp nhiều bất hạnh.**  **- Thơ Hồ Xuân Hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.**  **2. Sáng tác**:  -Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.  -Tác phẩm nhan đề tự tình là tự bộc lộ tâm tình .  **3.Thể thơ:** Thất ngôn bát cú Đường luật |
| **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  ***Thao tác 1:*** Đọc văn bản:  - GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó, cho hs nêu bố cục.  - HS: đọc văn bản, nhận xét bạn đọc văn bản như thế nào  \* 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1:**  - GV: Đặt câu hỏi em hãy cho biết trong 2 câu đầu tác giả đưa ra thời gian không gian để nhấn mạnh tâm trạng gì của tác giả?  *Gv liên hệ thực hành yếu tố môi trường có tác động đến tâm lý của nhân vật*  **Nhóm 2:** Phân tích từ ngữ, hình ảnh thể hiện tâm trạng người phụ nữ qua 2 câu thực?  **Nhóm 3: Hai câu luận tả trực tiếp 2 hình ảnh thiên nhên độc đáo như thế nào? Phân tích từ ngữ, hình ảnh thể hiện thái độ của nhà thơ trước cuộc sống?**  **Nhóm 4:** Nhà thơ thể hiện tâm trạng gì? Mạch logic diễn biến tâm trạng như thế nào? Các điệp từ có tác dụng gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* **Nhóm 1**  Câu 1 - Thời gian: Đêm khuya (quá nửa đêm) -> Yên tĩnh, con người đối diện với chính mình, sống thật với mình  - Không gian: Yên tĩnh vắng lặng (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)  - Âm thanh; Tiếng trống cầm canh -> nhắc nhở con người về bước đi của thời gian  + “Văng vẳng” -> từ láy miêu tả âm thanh từ xa vọng lại (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)  + “ Trống canh dồn” -> tiếng trống dồn dập, liên hồi, vội vã  - Chủ thể trữ tình là người phụ nữ một mình trơ trọi, đơn độc trước không gian rộng lớn:  Câu 2: nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.  + “Trơ”: Trơ trọi, lẻ loi, cô đơn. Trơ lỳ: Tủi hổ bẽ bàng, thách thức bền gan  + Kết hợp từ “ Cái + hồng nhan”: vẻ đẹp của người phụ nữ bị rẻ rúng...  + Nghệ thuật đảo ngữ -> nhấn mạnh vào sự trơ trọi nhưng đầy bản lĩnh của Xuân Hương => xót xa, chua chát  + Hình ảnh tương phản:  Cái hồng nhan > < nước non  -> Nỗi cô đơn khủng khiếp của con người  \* **Nhóm 2**  **- Hai câu thực:**  Câu 3 gợi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa- Mượn rượu để giải sầu: Say rồi lại tỉnh -> vòng luẩn quẩn không lối thoát  Câu 4: Nỗi chán chường, đau đớn e chề - Ngắm vầng trăng: Thì trăng xế bóng – Khuyết – chưa tròn -> sự muộn màng dở dang của cuộc đời nhà thơ: Tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc chưa trọn vẹn  - Nghệ thuật đối -> tô đậm thêm nỗi sầu đơn lẻ của người muộn màng lỡ dở  => Niềm mong mỏi thoát khỏi hoàn cảnh thực tại nhưng không tìm được lối thoát. Đó cũng chính là thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  \* **Nhóm 3**  **- Hai câu luận:**  Cảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phẫn uất và bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của HXH.  - Tác giả dùng cách diễn đạt: + Nghệ thuật đối  + Nghệ thuật đảo ngữ -> Mạnh mẽ dữ dội, quyết liệt  + Động từ mạnh “xiên” “đâm” kết hợp các bổ ngữ ngang dọc -> cách dùng từ độc đáo -> sự phản kháng của thiên nhiên  => dường như có một sức sống đang bị nén xuống đã bắt đầu bật lên mạnh mẽ vô cùng.  \* **Nhóm 4**  **- Hai câu kết:**  - Cách dùng từ:  + Xuân: Mùa xuân, tuổi xuân  + Ngán: Chán ngán, ngán ngẩm  -> Mùa xuân đến mùa xuân đi rồi mùa xuân lại lại theo nhịp tuần hoàn vô tình của trời đất còn tuổi xuân của con người cứ qua đi mà không bao giờ trở lại => chua chát, chán ngán  - Ngoảnh lại tuổi xuân không được cuộc tình, khối tình mà chỉ mảnh tình thôi. Mảnh tình đem ra san sẻ cũng chỉ được đáp ứng chút xíu Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xh phong kiến xưa.  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức**  **Thao tác 3:**  **Hướng dẫn HS tổng kết bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: Đặt câu hỏi Em hãy cho biết trong bài thơ tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Qua đó hãy nêu ý nghĩa của văn bản.  \* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | **II. Đọc–hiểu:**  **1. Nội dung**    **a. Hai câu thơ đầu:**  **+ Câu 1: bối cảnh không gian, thời gian.**  **+ Câu 2: nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.**  **b. Hai câu tiếp (Câu 3 + 4)**  **+ Câu 3: gợi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng.**  **+ Câu 4: nỗi chán chường, đau đớn, ê chề (chú ý mối tương quan giữa vầng trăng và thân phận nữ sĩ).**  **c. Hai câu tiếp ( Câu 5 + 6)**  C**ảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.**  **d. Hai câu kết**  **Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.**  **2. Nghệ thuật:**  Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh sinh động; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.  **3. Ý nghĩa văn bản.**  Bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi, phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được sống hạnh phúc. |

**🕮 3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:** Hồ Xuân Hương đã để lại tác phẩm nào? a. Thanh Hiên thi tập. b. Lưu hương kí. c. Quốc âm thi tập. d. Bạch Vân quốc ngữ thi tập.  **Câu hỏi 2:** Từ ***dồn*** trong câu thơ mang nét nghĩa nào? a. Làm cho tất cả cùng một lúc tập trung về một chỗ. b. Làm cho ngày càng bị thu hẹp phạm vi và khả năng hoạt động đến mức có thể lâm vào chỗ khó khăn,bế tắc. c. Hoạt động được tiếp diễn liên tục với nhịp độ ngày càng nhanh hơn. d. Liên tiếp rất nhiều lần trong thời gian tương đối ngắn.  **Câu hỏi 3:** Từ ***trơ*** trong câu thơ “Trơ cái hồng nhan với nước non” không chứa đựng nét nghĩa nào? a. Tỏ ra không biết hổ thẹn, không biết gượng trước sự chê bai, phê phán của người khác. b. Ở trạng thái phơi bày ra, lộ trần do không còn hoặc không có sự che phủ,bao bọc thường thấy. c. Ở vào tình trạng chỉ còn lẻ loi, trơ trọi một thân một mình. d. Sượng mặt ở vào tình trạng lẻ loi khác biệt quá so với xung quanh, không có sự gần gũi,hòa hợp.  **Câu hỏi 4:** Ý nào không được gợi ra từ câu “Trơ cái hồng nhan với nước non”? a. Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả khi rơi vào tình trạng lẻ loi. b. Thể hiện sự tủi hổ,xót xa xủa tác giả khi nhận ra hoàn cảnh của mình. c. Thể hiện sự thách thức, sự bền gan cảu tác giả trước cuộc đời. d. Thể hiện sự rẻ rúng của tác giả với nhan sắc của mình.  **Câu hỏi 5:**  Cụm từ ***say*** lại tỉnh trong câu “Chén rượu hương đưa say lại tỉnh”gợi lên điều gì? a. Sự vượt thoát khỏi hoàn cảnh của nhân vật trữ tình. b. Những tâm trạng thường trực của nhân vật trữ tình. c. Sự luẩn quẩn,bế tắc của nhân trữ tình. d. Bản lĩnh của nhân vật trữ tình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | ĐÁP ÁN  [1]='b'  [2]='c'  [3]='a'  [4]='d'  [5]='c' |

**🕮 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Đọc bài thơ Tự tình II:**  1/ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ?  2/ Em hiểu từ *hồng nhan* là gì ? Ghi lại 2 thành ngữ có từ *hồng nhan.*  3/Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | 1/ Mạch cảm xúc của bài thơ : Cô đơn- buồn chán- thách thức duyên phận-phẫn uất. Phản kháng- chán ngán, chấp nhận.  2/ *Hồng nhan* là nhan sắc người phụ nữ đẹp thường đi với đa truân hay bạc mệnh.  Hai thành ngữ có từ *hồng nhan :* hồng nhan đa truân ; hồng nhan bạc mệnh.  3/ Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : Nhà thơ đã Việt hóa thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật: cách dùng từ giản dị, dân dã, ý thức sử dụng sáng tạo các thành ngữ, tục ngữ, lối đảo từ, điệp từ, dùng từ mạnh. |

**🕮 5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  + Tìm đọc thêm 2 bài Tự tình I và III  + Ngâm bài thơ Tự tình  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS: Suy ghĩ trao đổi và trả lời.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức** | * **Sưu tầm 2 bài thơ** * **Tập ngâm thơ.** |